

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 31/2024/HNGĐ-GĐT

Ngày: 30/12/2024

V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân.

Bà Trần Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án hôn nhân gia đình về “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1959;*

Địa chỉ: hẻm D đường V, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn: ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1963;*

Địa chỉ: số A Lô C đường N, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phan Chí M, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số A Lô C đường N, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 21/12/1996, bà nhận chuyển nhượng của bà Mai Thị Đ diện tích đất 495m² (9m x 55m), đo đạc thực tế 593,9m² tọa lạc tại Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên lập giấy tờ viết tay, không công chứng, chứng thực. Ngày 25/12/1996, bà viết giấy bán phần đất này cho bà Hà Thanh H2 (bạn của bà), mục đích là nhờ bà H2 đứng tên.

Năm 2000, Nhà nước kiểm kê, giải tỏa phần đất nêu trên, hồ sơ vẫn mang tên bà H2. Năm 2002, Ban đền bù giải tỏa kêu gọi đi ứng tiền để ổn định đời sống thì bà mượn danh bà H2 ủy quyền đi ứng 30.000.000 đồng. Ngày 09/9/2003, bà H2 viết giấy trả lại đất cho bà theo thỏa thuận. Ngày 03/9/2003, Ban bồi thường giao bản kiểm kê và thẩm định giá tài sản nhưng bà không đồng ý nên bà làm đơn khởi kiện. Lúc này, chồng bà là ông Đoàn Văn H1 (kết hôn ngày 05/10/1999) mới đề nghị bà mượn danh bà H2 viết giấy sang nhượng lại phần đất này cho ông H1 để ông H1 đi khởi kiện. Do bà là giáo viên, sợ ảnh hưởng đến nghề nghiệp, vợ chồng đang chung sống hạnh phúc nên bà đồng ý viết giấy sang nhượng đề ngày 02/10/1999 (trước thời điểm bà và ông H1 kết hôn), bà tự viết và ký tên của bà H2. Thực tế, không có việc sang nhượng đất giữa bà với bà H2 và giữa bà H2 với ông H1. Ngày 06/01/2003, bà viết giấy xác nhận nguồn gốc đất để ông H1 đi khởi kiện đối với 01 nền tái định cư diện tích 84m² tọa lạc tại nền số A, Lô C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Năm 2007, bà và ông H1 ly hôn, các lần xét xử xác định phần đất 593,9m² tọa lạc tại Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (đã thu hồi) là tài sản riêng của ông H1. Bà khiếu nại và được Tòa án nhân dân tối cao giải quyết tại Thông báo số 142/TB-TA ngày 31/7/2017 với nội dung: "*Có căn cứ để xác định diện tích 593,9m² lạc tại Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là tài sản chung của ông H1 và bà H*". Như vậy, phần tiền bồi thường và nền đất tái định cư cũng là tài sản chung của bà với ông H1. Nay, bà chỉ yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 84m² tọa lạc tại nền số A, Lô C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu với tỷ lệ 9/1, trong đó ông H1 01 phần, bà nhận 09 phần, bà yêu cầu nhận đất do phần đất nguồn gốc của bà có trước khi kết hôn với ông H1.

Bị đơn ông Đoàn Văn H1 trình bày:

Căn cứ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 31/2014/HNGĐ-PT ngày 06/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (có hiệu lực pháp luật) thì nguồn gốc diện tích đất 593,9m² lạc tại Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (trước khi bị thu hồi) là tài sản của ông có trước khi kết hôn với bà H, ông chưa nhập phần tài sản này vào tài sản chung của vợ chồng. Khi Nhà nước thu hồi diện tích đất nêu trên thì ông nhận tiền bồi thường và 01 nền tái định cư 84m² tọa lạc

tại nền số A, Lô C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, số tiền bồi thường và nên tái định cư này là tài sản riêng của ông. Ngoài ra, Bản án phúc thẩm số 31/2014/HNGĐ-PT ngày 06/8/2014 nêu trên còn buộc bà H trả cho ông ½ giá trị quyền sử dụng diện tích đất 1950m² tọa lạc tại Khóm E, Phường A, thành phố B; tuy nhiên, ông không yêu cầu bà H thi hành án số tiền này. Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H về việc phân chia diện tích đất 84m² tọa lạc tại nền số A, Lô C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Chí M1 trình bày:

Ngày 10/8/2017, ông Ngô T (anh của anh M1) thuê phần nhà của ông Đoàn Văn H1 với diện tích 37,38m² để kinh doanh mua bán các loại trứng, dưa và than. Năm 2019, ông Ngô Thoại C đi nơi khác nên đã chuyển nhượng phần kinh doanh mua bán lại cho anh, anh cũng làm lại hợp đồng thuê mặt bằng với ông H1 từ ngày 10/8/2020. Do mặt bằng xuống cấp nên anh sửa sang lại phần lát gạch, cửa sắt, một phần cửa kính nhôm, làm thêm 02 phòng bằng tôn, sắt và phần mái hiên nhà với tổng chi phí 50.000.000 đồng. Đối với việc tranh chấp giữa bà H và ông H1, người nào có quyền sử dụng đất thì trả cho anh số tiền mà anh đã bỏ ra để sửa chữa nêu trên.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H đối với ông Đoàn Văn H1.

Giao căn nhà và các công trình khác gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 84m² đất thuộc thửa 411, tờ số 17-1 tại khóm G, phường A, thành phố B theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu cho ông Đoàn Văn H1 được quyền sở hữu, quản lý sử dụng. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 644898, cấp ngày 25 tháng 5 năm 2017.

Buộc ông Đoàn Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc H bằng giá trị tài sản thửa đất 84m², tại nền số 13, lô C, khóm G, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu với số tiền 447.888.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 30/12/2022, bà Phạm Thị Ngọc H kháng cáo không đồng ý chia diện tích đất 84m² cho ông Đoàn Văn H1.

Ngày 27/12/2022, ông Đoàn Văn H1 kháng cáo không đồng ý chia diện tích đất 84m² cho bà Phạm Thị Ngọc H.

Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 09/2023/HNGĐ-PT ngày 16/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận kháng cáo của ông H1, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 92/2022/HNGĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc H đối với ông Đoàn Văn H1 yêu cầu chia phần đất diện tích 84m², thuộc thửa 411, tờ số 17-1, tọa lạc tại: số A, Lô C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Đoàn Văn H1 ngày 25/5/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và hiệu lực của bản án.

Ngày 28/7/2023, bà Phạm Thị Ngọc H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 09/2023/HNGĐ-PT ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại Quyết định số 239/QĐ-VKS-DS ngày 17/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 09/2023/HNGĐ-PT ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Đoàn Văn H1 kết hôn ngày 05/10/1999, ly hôn ngày 28/7/2010. Năm 2012, bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông H1, được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 31/2014/HNGĐ-PT ngày 06/8/2014. Bản án số 31/2014/HNGĐ-PT đã đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung đối với diện

tích đất tái định cư 84m² thuộc thửa 411, tờ số 17-1, tọa lạc tại số A, Lô C, Khóm G, Phường A, thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp theo Quyết định số 670/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của Ủy ban nhân dân thị xã B do không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Ngày 25/5/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 644898 cho ông H1 đứng tên thửa 411 nên bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, tài sản này chưa được Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ, cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ pháp luật.

[2] Bà H, ông H1 cùng thừa nhận phù hợp với tài liệu, chứng cứ, thể hiện diện tích đất tái định cư 84m² có được từ việc Nhà nước thu hồi diện tích đất 593,9m² tọa lạc tại Khóm E, Phường A, thành phố B. Tuy nhiên, bà H và ông H1 cho rằng diện tích đất 593,9m² là tài sản riêng có trước khi kết hôn nên diện tích đất 84m² là tài sản riêng. Do đó, đề giải quyết đúng yêu cầu chia diện tích đất 84m² này cần xem xét đánh giá nguồn gốc diện tích đất 593,9m² và các tài liệu, chứng cứ liên quan.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất 593,9m² có nguồn gốc của bà Mai Thị Đ. Ngày 21/12/1996, bà Đ lập "Giấy sang nhượng đất" cho bà H 495m² đất (đo đạc thực tế là 593,9m²). Thời điểm này, bà H và ông H1 chưa đăng ký kết hôn. Ngày 25/12/1996, bà H lập giấy nhượng lại diện tích đất này cho bà Hà Thanh H2. Ngày 02/10/1999 (trước khi bà H, ông H1 đăng ký kết hôn 03 ngày), bà H2 lập giấy với nội dung: "*Tôi có mua chung miếng đất với anh Đoàn Văn H1 ... nhưng do điều kiện nơi ở không thuận lợi nên tôi nhượng lại miếng đất trên cho anh Đoàn Văn H1 toàn quyền sử dụng*". Ngày 06/10/2003, bà H lập "Đơn xin xác nhận" với nội dung: "*Trước đây vào ngày 25/12/1996, tôi có bán cho ông H1 và cô Hà Thanh H2 miếng đất của tôi. Đến ngày 02/10/1999 cô H2 đã trả lại phần đất (tôi bán cho cô) cho tôi ông H1 tiếp nhận phần đất và thanh toán sòng phẳng tiền bạc. Vậy từ ngày 02/10/1999, ông H1 toàn quyền sử dụng là đúng, tôi không có khiếu nại về sau*".

[4] Khi Nhà nước thu hồi diện tích đất 593,9m² và lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng thì bà H, ông H1 là những người nhận tiền đền bù, đứng tên kê khai, cụ thể: bà H ký nhận số tiền 30.000.000 đồng tại Phiếu chi ngày 02/5/2002; từ ngày 07/10/2003, ông H1 ký tên vào biên bản kiểm kê, giám định đất và tài sản, biên bản bản giao mặt bằng, ký nhận số tiền 21.108.000 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường, bà H và ông H1 cùng sử dụng 15.000.000 đồng để tạo lập tài sản chung là diện tích đất 3240m² tại Khóm F, Phường B, thành phố B (được Tòa án xem xét chia tại Bản án số 31/2014/HNGĐ-PT ngày 06/8/2014 đã có hiệu lực pháp luật).

[5] Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 22/9/2003 và Tờ trình ngày 24/9/2003, bà H2 xác nhận chỉ đứng tên giúp bà H. Với các tài liệu, chứng cứ đã

viện dẫn, các tình tiết khách quan đã phân tích thì lời trình bày của bà H cho bà H2 đứng tên dùm và để ông H1 đứng tên làm các thủ tục là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất 593,9m² là tài sản chung của bà H và ông H1 là có căn cứ, phù hợp với nội dung Thông báo giải quyết đơn giám đốc thẩm số 142/TB-TA ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Diện tích đất 593,9m² là tài sản chung của ông H1 và bà H, nên khi Nhà nước thu hồi và hỗ trợ tái định cư bằng diện tích đất 84m² thì diện tích đất 84m² này là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Do ông H1 là người thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trực tiếp quản lý từ trước đến nay, xây dựng nhà trên đất để cho thuê nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H1 có công sức lớn hơn bà H, tuyên xử giao tài sản cho ông H1 và buộc ông H1 thanh toán 40% giá trị tài sản (tương đương 463.008.000 đồng) cho bà H là đúng quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hướng dẫn tại các điểm b, c khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Khi nhận đất tái định cư, ông H1 đã nộp tiền sử dụng đất 37.800.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả cho ông H1 40% (tương đương 15.120.000 đồng) là phù hợp.

[7] Trong vụ án này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Chí M yêu cầu người được giao quyền sử dụng đất trả cho anh số tiền sửa chữa nhà 50.000.000 đồng, nhưng anh M không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo nên Tòa án cấp sơ thẩm trả lại đơn cho anh M là đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích đất 593,9m² do ông H1 nhận chuyển nhượng từ bà H2 trước khi kết hôn với bà H nên là tài sản riêng của ông H1; trình tự, thủ tục nhận đất tái định cư 84m² do ông H1 thực hiện và ông H1 không có văn bản nhập tài sản riêng vào tài sản chung; từ đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 239/QĐ-VKS-DS ngày 17/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 09/2023/HNGĐ-PT ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP.HCM (để b/c);
- Vụ Pháp chế & QLKH-TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thiện